

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N1
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 10 – 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N1, THÀNH PHỐ C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Diễm Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Kim Luyến**
2. Bà **Nguyễn Thị Hoàng Oanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N1, thành phố C.

Trong ngày 13 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N1, thành phố C tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 242/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 815/2023/QĐXXST-HN ngày 13 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 302/2023/QĐST-HN ngày 28 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Minh P**, sinh năm 1992 (*có mặt*).

ĐKTT: 112/53 N, phường T, quận N1, TP C.

Địa chỉ liên hệ: 551 T, phường A, quận B, TP C.

*** Bị đơn:** Ông **Nguyễn Anh D**, sinh năm 1984 (*có mặt*).

Địa chỉ: 112/53 N, phường T, TP C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Anh D tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/7/2018 tại Ủy ban nhân dân phường An Lạc – nay là phường T, quận N1, thành phố C. Trong quá trình chung sống, bà và ông D đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không hạnh phúc, bà nhiều lần bị ông D bạo hành. Nay, bà xác định tình cảm không thể hàn gắn được nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Anh D.

Về con chung: Bà xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ (nam), sinh ngày 19/5/2019. Hiện, cháu Đ đang sống với bà, bà yêu cầu giao con chung cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Anh D đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến, không có lý do.

Tại phiên tòa:

Phía nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Minh P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông Nguyễn Anh D; xin được nuôi con chung là Nguyễn Mĩ Đ, không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung; bà xác định không có tài sản chung, nợ chung.

Phía bị đơn: ông Nguyễn Anh D có mặt. Ông xác định vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Ông xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa ông và bà P không lớn, chủ yếu do lúc nóng giận nên ông có xô xác dẫn đến gây tổn thương nhẹ cho vợ. Ông xác định mâu thuẫn bắt nguồn từ việc chị ruột của bà P đã ngăn cản hôn nhân của ông và bà P trước đây, sau này ông còn bắt gặp một số nội dung tin nhắn trách cứ nên đã bức tức với vợ. Ông có mong muốn vợ chồng hàn gắn để cùng nuôi dạy con chung là Nguyễn Minh Đ (nam), sinh ngày 19/5/2019. Ông xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung. Trường hợp vợ không chấp nhận đoàn tụ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định, nếu cho ly hôn ông đồng ý giao con cho bà P nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận N1, thành phố C nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý: Bà Nguyễn Thị Minh P và ông Nguyễn Anh D có đăng ký kết hôn vào ngày 05/7/2018 tại Ủy ban nhân dân phường An Lạc – nay là phường T, quận N1, thành phố C nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, khi có phát sinh tranh chấp sẽ thuộc sự điều chỉnh của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”. Do bị đơn ông Nguyễn Anh D có địa chỉ cư trú tại quận N1 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N1, thành phố C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn trình bày rằng hôn nhân ban đầu là tự tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân. Trong quá trình chung sống, bà và ông D đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không hạnh phúc, bà nhiều lần bị ông D bạo hành. Trong quá

trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông D nhiều lần nhằm tạo điều kiện hòa giải hàn gắn cho các bên nhưng ông D không đến nên không thực hiện được thủ tục hòa giải hàn gắn. Tại phiên tòa, phía bị đơn ông D có mong muốn hàn gắn, ông xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa ông và bà P không lớn, chủ yếu do lúc nóng giận nên ông có xô xác dẫn đến gây tổn thương nhẹ cho vợ. Ông xác định mâu thuẫn bắt nguồn từ việc chị ruột của bà P đã ngăn cản hôn nhân của ông và bà P trước đây, sau này ông còn bắt gặp một số nội dung tin nhắn trách cứ nên đã bức tức với vợ.

Căn cứ vào tranh luận của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa thấy rằng, mâu thuẫn giữa bà P và ông D đã trầm trọng, ông D đã có hành vi bạo hành đối với bà P. Căn cứ vào chứng cứ là các hình ảnh chụp lại các vết bầm tím trên cánh tay của bà P, ông P thừa nhận các vết bầm của bà P do ông gây ra. Như vậy, đã có sự việc bạo lực gia đình là một trong những nguyên nhân dẫn đến rạn nứt hôn nhân. Hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Phía bị đơn xin đoàn tụ nhưng không đưa ra được bất cứ biện pháp hàn gắn nào khả thi. Đồng thời, hiện nay giữa nguyên đơn và bị đơn đã có thời gian sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa các bên là đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được nếu tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân sẽ dẫn đến nhiều bất ổn. Do vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nuôi con chung: Giữa bà P và ông D có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ (nam), sinh ngày 19/5/2019, hiện cháu Đ đang sống với bà P. Khi ly hôn bà P có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Đ còn nhỏ, đang sống ổn định với mẹ. Việc ổn định nơi ở, học tập cũng như đảm bảo quyền lợi về việc không làm xáo trộn cuộc sống của cháu Đ là thật sự cần thiết, do vậy Hội đồng xét xử thấy rằng nên tiếp tục giao cháu Đ cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không có yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, bị đơn cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung. Việc các bên không có yêu cầu nên xác định đây là sự tự nguyện của bà P, ông D và sự tự nguyện này không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì lợi ích mọi mặt của cháu Nguyễn Minh Đ, Hội đồng xét xử cũng căn cứ vào quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình để dành quyền lợi được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông D, không ai được quyền cản trở. Đồng thời người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con. Trường hợp có việc lạm dụng thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Ngoài ra, các bên còn có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P, ông D trình bày không có nên không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 26/12/2016 của Hội đồng thẩm phán, Tòa án nhân dân tối cao quy định án phí, lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Minh P và ông Nguyễn Anh D.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Nguyễn Minh Đ (nam), sinh ngày 19/5/2019 cho bà Nguyễn Thị Minh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Ông Nguyễn Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông D không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của cháu Đ, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết thành một vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh P phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Nguyên đơn bà P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001161 ngày 01/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N1, thành phố C được chuyển thành án phí hôn nhân.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTPCT;
- VKSNDQNK;
- THADSQNK;
- Các đs;
- UBND P. T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG